

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

*Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016*

*kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**



---

Được kiểm toán bởi:

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG T.D.K TẠI HÀ NỘI**

*Hà Nội, tháng 08 năm 2016*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội

---

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo soát xét giữa niên độ	5 - 6
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	9-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	12 - 30

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC****1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ**

Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ (sau đây viết tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009 và thay đổi lần 5 số 0101971512 ngày 28/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó

- Vốn điều lệ : 300.000.000.000 Đồng. (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng chẵn./.).
- Mệnh giá cổ phần: 10.000
- Tổng số cổ phần : 30.000.000

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); cung cấp thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp, điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh ánh sáng truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp, giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo của Hội đồng quản trị

và Ban Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Tái chế phế liệu.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính có:**

**Hội đồng quản trị:**

1	Ông Vương Văn Ba	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Quốc Linh	Ủy viên
3	Ông Ngô Tiến Hải	Ủy viên
4	Ông Dương Văn Tuấn	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Đình Dũng	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc:**

1	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
---	-----------------------	---------------

**2. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K tại Hà Nội.

**3. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.

Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc.

Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội

## Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

*đính kèm Báo cáo tài chính*

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

*Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2016*

### Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ



**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Mạnh Cường**

Tôi, Vương Văn Ba - Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016 kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**Wương Văn Ba**



## **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K - TẠI HÀ NỘI**

Trụ sở chính: **Số 97, ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội**  
Tel/ Fax : **04. 354 09439**  
Email : **chinhanhtdkhanoi@gmail.com**

Số: 287/2016/BCSX

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 Của Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Chúng tôi, CN Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K tại Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư KSQ, được lập ngày 16/07/2016, từ trang 07 đến 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư KSQ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

## **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 05 bản tiếng Việt, Các bản có giá trị ngang nhau. Công ty cổ phần Đầu tư KSQ giữ 04 bản, CN Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K tại Hà Nội giữ 01 bản .

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016*

### **CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG T.D.K TẠI HÀ NỘI**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**LÊ CHUNG**

*Giấy CN ĐKHN số 2315-2013-045-1*

**NGUYỄN XUÂN BÌNH**

*Giấy CN ĐKHN Số 2476-2013-045-1*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>258.835.283.295</b>	<b>158.134.129.952</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>1.662.154.167</b>	<b>22.972.149.375</b>
1. Tiền	111		1.662.154.167 ✓	22.972.149.375
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>210.977.372.525</b>	<b>88.132.451.763</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	69.782.532.058 ✓	67.257.089.663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.03</b>	132.371.580.467 ✓	7.500.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.04</b>	8.823.260.000 ✓	13.375.362.100
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó	137			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>46.141.571.368</b>	<b>46.747.452.322</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.05</b>	46.141.571.368 ✓	46.747.452.322
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>54.185.235</b>	<b>282.076.492</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.185.235 ✓	282.076.492
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>100.145.663.520</b>	<b>100.181.464.932</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.06</b>	<b>100.056.160.000</b>	<b>100.056.160.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		100.056.160.000 ✓	100.056.160.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			
2. Tài sản cố định vô hình	225		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>227</b>		-	-
Ghi phí xây dựng cơ bản dở dang	229			
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.503.520</b>	<b>125.304.932</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		89.503.520 ✓	125.304.932
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>358.980.946.815</b>	<b>258.315.594.884</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành và được đọc cùng báo cáo tài chính)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.728.423.312</b>	<b>95.022.034.310</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.728.423.312</b>	<b>95.022.034.310</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	19.825.619.778	62.764.509.228
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.08	21.015.583.890	25.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.09	1.304.643.699	1.844.277.967
4. Phải trả người lao động	314		68.506.775	130.504.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	751.544.121	1.508.178.605
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		54.000.000	63.239.261
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.292.250.000	3.295.050.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>314.252.523.503</b>	<b>163.293.560.574</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.12	<b>314.252.523.503</b>	<b>163.293.560.574</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		300.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A			
- Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(66.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		13.152.198.356	12.110.735.427
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		12.110.735.427	6.312.619.066
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		1.041.462.929	5.798.116.361
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>358.980.946.815</b>	<b>258.315.594.884</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Trung

Kế toán trưởng



Nguyễn Nghĩa Trung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành và được đọc cùng báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở

Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay		Năm trước	
			4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.13	20.471.846.227	53.706.306.929	27.242.607.789	64.801.050.345
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.14		395.272.727		395.272.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.15	20.471.846.227	53.311.034.202	27.242.607.789	64.405.777.618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	18.542.228.414	49.778.605.267	24.871.256.471	58.116.644.307
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		1.929.617.813	3.532.428.935	2.371.351.318	6.289.133.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	120.698	1.200.188.817	3.470.758	1.200.231.093
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	51.157.125	265.442.673	-	265.442.673
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.157.125	265.442.673		265.442.673
8. Chi phí bán hàng	25	VI.19	85.169.336	566.345.357	193.288.672	1.003.291.539
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.20	624.809.072	477.562.487	1.116.029.297	966.676.152
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.168.602.978	3.423.267.235	1.065.504.107	5.253.954.040
11. Thu nhập khác	31		30		237.672.293	

Đơn vị tính: đồng

**CHỈ TIÊU**

Mã số TM

Quý

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

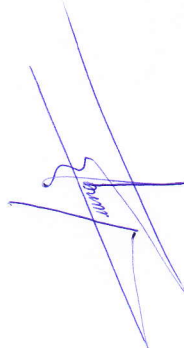
	1	2		3		4		5	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
12. Chi phí khác	32	1.347.739		1.347.739		1.347.739		1.347.739	
13. Lợi nhuận khác	40	(1.347.709)	-	(1.347.709)	-	236.324.554		236.324.554	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.167.255.269	3.423.267.235	1.167.255.269	3.423.267.235	1.301.828.661	5.253.954.040	1.301.828.661	5.253.954.040
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	233.451.054	753.118.792	233.451.054	753.118.792	260.365.732	1.155.869.889	260.365.732	1.155.869.889
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	933.804.215	2.670.148.443	933.804.215	2.670.148.443	1.041.462.929	4.098.084.151	1.041.462.929	4.098.084.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31,13	178,01	31,13	178,01	34,72	273,21	34,72	273,21

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2016

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng giám đốc**


**Nguyễn Bảo Trung**

**Nguyễn Nghĩa Trung**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
Kết thúc ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

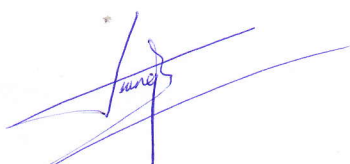
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	23.240.229.960	72.473.300.245
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	-194.622.149.890	-65.444.947.395
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-492.953.075	-297.530.600
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-623.648.014	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-800.000.000	-143.390.000
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.555.570.854	157.327
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-564.247.077	-6.610.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>-169.307.197.242</b>	<b>6.580.979.577</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.034	73.766
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.034</b>	<b>73.766</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.000.000.000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hà	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-2.002.800.000	-2.200.000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>147.997.200.000</b>	<b>-2.200.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>-21.309.995.208</b>	<b>6.578.853.343</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>22.972.149.375</b>	<b>947.269.417</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.662.154.167</b>	<b>7.526.122.760</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu


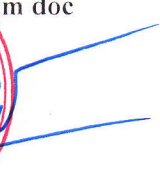
Kế toán trưởng

Nguyễn Bảo Trung

Nguyễn Nghĩa Trung

Tổng Giám đốc

Nguyễn Mạnh Cường

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành và được đọc cùng báo cáo tài chính)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 30/06/2016*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ (sau đây viết tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009 và thay đổi lần 5 số 0101971512 ngày 28/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó

Vốn điều lệ : 300.000.000.000 Đồng. (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng chẵn./.).

#### **2. Ngành nghề kinh doanh:**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); cung cấp thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp, điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh ánh sáng truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp, giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Tái chế phế liệu.

## **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

## **III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

### **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Hình thức kế toán áp dụng:**

Công ty đã áp dụng hình thức Nhật ký chung thực hiện ghi sổ theo phần mềm kế toán trên máy vi tính.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **3.2 Hàng tồn kho**

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: đối với hàng hóa theo phương pháp đích danh, nguyên vật liệu, thành phẩm theo phương pháp nhập trước xuất trước).

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

### **4. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở

Đống Đa, Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian KH</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 34 năm

5. **Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**

6. **Tài sản cố định vô hình (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**

7. **Bất động sản đầu tư (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**

8. **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

9. **Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**

10. **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

11. **Lợi thế thương mại (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**12. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá. Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**13. Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

*Chi phí khôi phục hiện trường:*

Công ty có nghĩa vụ phải phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy vào thời điểm kết thúc giai đoạn thuê đất. Dự phòng được lập dựa trên lãi suất chiết khấu. Lãi suất chiết khấu áp dụng là lãi suất trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường về giá trị thời gian của tiền và các rủi ro cụ thể liên quan đến khoản phải trả mà chưa được bao gồm trong ước tính tốt nhất về các khoản chi.

*Chi phí bảo hành*

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự

*Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**14. Trái phiếu phát hành (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**

**15. [Vốn cổ phần/Vốn góp]**

**15.1 Vốn góp:**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đông Đa, Hà Nội

## Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

### 15.2 Cổ phiếu phổ thông:

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

## 16. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

### 16.1 Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

\* Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở

Đống Đa, Hà Nội

## Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

### 16.2 Nợ phải trả tài chính

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## 17. Thuế

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở

Đông Đa, Hà Nội

## Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### 18. Doanh thu và thu nhập khác

#### 18.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

#### 18.2 Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### 18.3 Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

#### 18.4 Doanh thu từ tiền lãi

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

D/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
 Đống Đa, Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**18.5 Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính (xem chi tiết cổ tức bằng cổ phiếu nhận được trong năm trong thuyết minh số 37). Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**18.6 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh [hợp nhất] như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**19. Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này

**20. Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong [kỳ/năm]. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Tiền mặt	1.628.467.507	2.958.132.593
- Tiền gửi Ngân hàng (VND)	33.686.660	20.014.016.782
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.662.154.167</b>	<b>22.972.149.375</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đống Đa, Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016

Kết thúc ngày 30/06/2016

<b>2. Phải thu khách hàng</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	8.457.356.804	8.457.356.804
Công ty CP Xây dựng D&T Việt Nam	25.901.211.795	15.051.632.900
Công ty CP đầu tư và kinh doanh địa ốc Hà Nội	12.401.715.420	12.401.715.420
Công ty TNHH đầu tư xây dựng Việt Phát	7.106.361.500	-
Các khoản phải thu khác	15.915.886.539	31.346.384.539
<b>Cộng</b>	<b>69.782.532.058</b>	<b>67.257.089.663</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Công ty CP Thương mại vận tải Du lịch Thiên Ân	2.433.906.844	2.433.906.844
CN Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát tại Hải	2.735.652.000	3.789.285.000
Công ty CP Dịch vụ & Định hướng phát triển Spapro	33.251.894.259	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Trần Nguyên	33.747.021.296	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Diệp	28.269.881.300	-
Công ty TNHH RCE Việt Nam	31.933.224.768	-
Các khoản trả trước khác	-	1.276.808.156
<b>Cộng</b>	<b>132.371.580.467</b>	<b>7.500.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
 Đống Đa, Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>4. Phải thu khác</b>				
Phải thu bà Trần Thị Chinh	8.823.260.000	-	8.825.362.100	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Kính phí công đoàn	-	-	-	-
Tạm ứng	-	-	4.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.823.260.000</b>	<b>-</b>	<b>13.375.362.100</b>	<b>-</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>				
Chi phí SX, KD dở dang	1.773.266.428	-	4.018.232.047	-
Hàng hoá	44.368.304.940	-	42.729.220.275	-
<b>Cộng</b>	<b>46.141.571.368</b>	<b>-</b>	<b>46.747.452.322</b>	<b>-</b>
<b>6. Các khoản phải thu dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	56.160.000	-	56.160.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Giáo dục Nam Hà Nội	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.056.160.000</b>	<b>-</b>	<b>100.056.160.000</b>	<b>-</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSC**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
 Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
 Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

Đối tượng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
07. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP DV & DH phát triển SPA PRO	-	-	7.309.081.834	7.309.081.834
Công ty CP đầu tư thiết bị công nghiệp Hữu Nghị	5.338.648.749	5.338.648.749	2.539.993.037	2.539.993.037
Công ty CP thương mại và dịch vụ Kim-Diệp	-	-	9.223.795.314	9.223.795.314
Công ty CP TM & XNK Châu Dương	2.690.035.197	2.690.035.197	2.918.273.151	2.918.273.151
Công ty CP Thép và Thương mại Hà Nội	3.966.825.000	3.966.825.000	3.966.825.000	3.966.825.000
Công ty CP Đầu tư thiết bị công nghiệp Hà Nội	-	-	-	-
Công ty TNHH Khoáng sản Lai Châu	2.611.833.698	2.611.833.698	2.611.833.698	2.611.833.698
Công ty TNHH Ngọc Sáng	-	-	-	-
Công ty TNHH Vialife	158.293.254	158.293.254	11.688.925.732	11.688.925.732
Công ty TNHH RCE Việt Nam	-	-	6.066.775.232	6.066.775.232
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	4.278.676.100	4.278.676.100	2.719.823.700	2.719.823.700
Các khoản phải trả người bán khác	781.307.780	781.307.780	13.719.182.530	13.719.182.530
<b>Cộng</b>	<b>19.825.619.778</b>	<b>19.825.619.778</b>	<b>62.764.509.228</b>	<b>62.764.509.228</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
Kết thúc ngày 30/06/2016

	30/06/2015	01/01/2015
<b>08. Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	20.485.583.890	25.000.000.000
Công ty TNHH Bình Minh	500.000.000	-
Công ty TNHH Trọng Phát Cộng	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.015.583.890</b>	<b>25.000.000.000</b>
<b>09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>		
<b>Phải nộp</b>		
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	2.507.480.676	-
Thuế TNDN	800.000.000	1.221.553.699
Các loại thuế khác	-	83.090.000
<b>Cộng</b>	<b>800.000.000</b>	<b>1.304.643.699</b>
<b>10. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Lãi vay phải trả	621.544.121	1.482.912.209
Phải trả khác	130.000.000	25.266.396
<b>Cộng</b>	<b>751.544.121</b>	<b>1.508.178.605</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
 Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
 Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

	01/06/2016		Trong năm			30/01/2016
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.295.050.000</b>	-	-	<b>2.002.800.000</b>	<b>1.292.250.000</b>	-
- Ngân hàng Nông nghiệp Hoàng Mai	2.002.800.000			2.002.800.000		
- Ngân hàng Quân Đội Mỹ Đình	1.292.250.000			-	1.292.250.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.295.050.000</b>	-	-	<b>2.002.800.000</b>	<b>1.292.250.000</b>	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**

Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đống Đa, Hà Nội

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
Kết thúc ngày 30/06/2016

**12. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu****A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	L/N sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>150,000,000,000</b>		<b>241,524,618</b>	<b>7,655,686,438</b>	<b>157,655,686,438</b>
- Tăng vốn trong năm trước		(66,000,000)	1,007,300,529		(66,000,000)
- Lãi trong năm trước				5,798,116,361	5,798,116,361
- Tăng do phân phối lợi nhuận					
- Phân phối lợi nhuận				1,343,067,372	1,343,067,372
Chi trả cổ tức					-
Trích quỹ					-
					-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>(66,000,000)</b>	<b>1,248,825,147</b>	<b>12,110,735,427</b>	<b>163,293,560,574</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>(66,000,000)</b>	<b>1,248,825,147</b>	<b>12,110,735,427</b>	<b>163,293,560,574</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	150,000,000,000				150,000,000,000
- Lãi trong kỳ				1,041,462,929	1,041,462,929
- Tăng do phân phối lợi nhuận			-		-
- Phân phối lợi nhuận		-	-	-	-
Chi trả cổ tức					-
Trích quỹ					-
- Giảm khác (*)		82,500,000			82,500,000
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>(148,500,000)</b>	<b>1,248,825,147</b>	<b>13,152,198,356</b>	<b>314,252,523,503</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đông Đa, Hà Nội**Thuyết minh Báo cáo tài chính**Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
Kết thúc ngày 30/06/2016

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Vốn góp của các cổ đông	300.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm (*)	150.000.000.000	
Vốn góp giảm trong năm	-	
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	150.000.000.000

**Lợi nhuận đã phân phối**

<b>D. Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	30.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

**VI.**

<b>13. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
+ Doanh thu bán hàng	27.242.607.789	64.801.050.345
<b>Cộng</b>	<b>27.242.607.789</b>	<b>64.801.050.345</b>
<b>14. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
+ Hàng bán bị trả lại		-
+ Giảm giá hàng bán	-	395.272.727
+ Chiết khấu thương mại		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>395.272.727</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đống Đa, Hà Nội**Thuyết minh Báo cáo tài chính**Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
Kết thúc ngày 30/06/2016

<b>15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.242.607.789</b>	<b>64.405.777.618</b>
<b>16. Giá vốn hàng bán</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
+ Giá vốn bán hàng hóa	24.871.256.471	58.116.644.307
<b>Cộng</b>	<b>24.871.256.471</b>	<b>58.116.644.307</b>
<b>17. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	3.470.758	231.093
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.470.758</b>	<b>1.200.231.093</b>
<b>18. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
Chi phí lãi vay	-	265.442.673
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>265.442.673</b>
<b>19. Chi phí bán hàng</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
Chi phí bán hàng	193.288.672	1.003.291.539
<b>Cộng</b>	<b>193.288.672</b>	<b>1.003.291.539</b>
<b>20. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.116.029.297	966.676.152
<b>Cộng</b>	<b>1.116.029.297</b>	<b>966.676.152</b>
<b>21. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	260.365.732	1.155.869.889
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	260.365.732	1.155.869.889

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KSQ**Đ/C: Tầng 9, Tòa nhà MIPEC, Tây Sơn, Ngã Tư Sở  
Đông Đa, Hà Nội**Thuyết minh Báo cáo tài chính**Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016  
Kết thúc ngày 30/06/2016**VII. Những thông tin khác****1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

**Các loại công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Tài sản tài****Giá trị ghi sổ****30/06/2016**Tiền và các khoản tương đương tiền  
Phải thu khách hàng và phải thu khác1.662.154.167  
78.605.792.058**Công nợ tài chính****Giá trị ghi sổ****30/06/2016**Các khoản vay  
Phải trả người bán  
Thuế phải nộp  
Phải trả khác1.292.250.000  
19.825.619.778  
1.304.643.699  
122.506.775**2 Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ**

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

**2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của đơn vị tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt- CN Hải Phòng.

**3 Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Trung

Nguyễn Nghĩa Trung

Nguyễn Mạnh Cường

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)